

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày 29-3-2022

V/v tranh chấp về ly hôn và nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN HỒNG BÀNG, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Thu Huyền

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Ông Nguyễn Minh Toàn

Bà Đặng Thị Thu Hiền.

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Đào Thị Hà- Thư ký Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa** Bà Đoàn Thị Lệ Thu- Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 3 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 01/2022/TB-TLV ngày 06 tháng 01 năm 2022 về việc ly hôn, nuôi con khi ly hôn, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 24- 02-2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 04/2022/QĐST-HNGĐ ngày 11-3- 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Anh NTL; địa chỉ: Số 85/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; có mặt;

- *Bị đơn:* Chị LTP; địa chỉ: Số 85/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng; vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo Đơn khởi kiện đề ngày 02-8-2022 và được bổ sung bằng lời khai tại Bản tự khai và tại phiên tòa, nguyên đơn là anh NTL trình bày:

Anh NTL và chị LTP xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Hưng Yên từ ngày 06-10-2011. Trong thời gian chung sống, anh NTL và chị LTP phát sinh nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Nay thấy rằng cuộc

sống chung không hạnh phúc nên anh NTL đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết được ly hôn với chị LTP.

Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 24-6-2012 và G, sinh ngày 08-10-2013. Anh NTL đề nghị chị LTP quyết định về việc nuôi con và cấp dưỡng nuôi các con chung.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại các bản tự khai, bị đơn, chị LTP trình bày như sau: Chị LTP và anh NTL xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện E, tỉnh Hưng Yên từ ngày 06-10-2011. Trong thời gian chung sống, hai bên xảy ra rất nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và tính cách không hợp nhau, không có tiếng nói chung. Vì vậy, anh NTL đề nghị được ly hôn với chị LTP, chị LTP đồng ý ly hôn và đề nghị Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng giải quyết theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 24-6-2012 và G, sinh ngày 08-10-2013. Chị LTP có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 con chung, cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Anh NTL phải cấp dưỡng nuôi con chung F 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi và cấp dưỡng nuôi con chung G 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi, kể từ tháng 02-2022. Anh NTL và chị LTP tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa, nguyên đơn là anh NTL trình bày: Anh NTL chấp nhận ý kiến của chị LTP về việc nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung.

Đại diện Viện Kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Căn cứ Điều 21 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Viện Kiểm sát nhân dân quận Hồng Bàng kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự: Việc xác định về thẩm quyền; về quan hệ pháp luật tranh chấp; về tư cách tham gia tố tụng của các đương sự; việc thu thập chứng cứ; thời hạn gửi hồ sơ cho Viện Kiểm sát; việc cấp tổng đạt văn bản tố tụng và việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, đã thực hiện đúng và đầy đủ theo quy định tại các điều 28, 35, 39, 48, 49, 97, 203, 220 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc giải quyết vụ án: Căn cứ quy định tại các điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, đề nghị Hội đồng xét xử cho anh NTL và chị LTP được ly hôn. Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 24-6-2012 và G, sinh ngày 08-10-2013. Giao 02 con chung cho chị LTP trực tiếp nuôi dưỡng. Anh NTL có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung F 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật và cấp dưỡng nuôi con chung G 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, kể từ tháng 02-

2022. Anh NTL và chị LTP tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét giải quyết. Nguyên đơn phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng:

[1] Về thẩm quyền giải quyết: Bị đơn là chị LTP; địa chỉ: Số 85/43 A, phường B, quận C, thành phố Hải Phòng. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của anh NTL thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Hồng Bàng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của những người được triệu tập đến phiên tòa: Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt, đã có đơn đề nghị giải quyết và xét xử vắng mặt. Căn cứ quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

Về nội dung:

[3] Xét thấy, anh NTL và chị LTP xây dựng gia đình với nhau trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D nên hôn nhân này là hợp pháp. Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của nguyên đơn, bị đơn, ý kiến của gia đình bị đơn việc xác minh tại tổ dân phố, xét thấy: Quá trình chung sống giữa anh NTL và chị LTP đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách và quan điểm sống không hợp nhau. Hai bên đã cố gắng hàn gắn mâu thuẫn, nhưng vẫn không khắc phục được. Như vậy, mâu thuẫn của vợ chồng đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, giải quyết cho anh NTL được ly hôn với chị LTP là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 24-6-2012 và G, sinh ngày 08-10-2013. Xét thấy, bị đơn đề nghị được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng 02 con chung và nguyên đơn chấp nhận yêu cầu của bị đơn. Hiện nay, các con chung đang ăn ở, học tập, sinh hoạt cùng mẹ là chị LTP, nên việc giao 02 con chung cho chị LTP tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế, nguyện vọng của các con chung và các quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình.

[5] Anh NTL có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Chị LTP cùng các thành viên gia đình không được cản trở anh NTL trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con theo quy định tại Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình.

[6] Việc cấp dưỡng nuôi con chung : Xét thấy, yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung của chị LTP và anh NTL như trình bày trên là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Nên chấp nhận việc nguyên đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung F 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật và cấp dưỡng nuôi con chung G 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật, kể từ tháng 02-2022. Anh NTL và chị LTP tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

[7] Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Trường hợp, các bên có tranh chấp về việc phân chia tài sản chung, thì có quyền giải quyết bằng vụ án khác tại Tòa án có thẩm quyền.

[8] Về án phí: Anh NTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số: 0009602, ngày 06- 01- 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Anh NTL đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh NTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 51, 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn;

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho anh NTL và chị LTP được ly hôn..
2. Về con chung: Có 02 con chung là F, sinh ngày 24-6-2012 và G, sinh ngày 08-10-2013. Giao 02 con chung cho chị LTP trực tiếp nuôi dưỡng. Anh NTL có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung F 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật và cấp dưỡng nuôi con chung G 2.500.000 đồng/tháng cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo qui định của pháp luật, kể từ tháng 02-2022. Anh NTL và chị LTP tự giao nhận khoản tiền cấp dưỡng trên.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho

người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận phân chia, hai bên không có yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung, nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Anh NTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, theo Biên lai thu tiền số 0009602 ngày 06-01-2022 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Hồng Bàng. Anh NTL đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm. Anh NTL phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án. Bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./

**Nơi nhận:**

- TANDTP. Hải Phòng;
- VKSNDTP. Hải Phòng;
- VKSND. quận Hồng Bàng;
- Chi cục THADS. quận Hồng Bàng;
- UBND xã D, huyện E, tỉnh Hưng Yên,
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Thu Huyền**